



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

on

ti

ja

mi

ono

ona

što

oni

vi

zašto

gdje

tko

kada

koji

kako

stvarno

ako

onda

ne

jer

ali

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

sve

to

ovo

ovdje

i

ili

desno

lijevo

tamo

^N
prijepodne

^N
poslijepodne

sada

^F
večer

^N
jutro

^F
noć

^M
sat

^F
ponoć

^N
podne

^M
dan

^F
sekunda

^F
minuta

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

F
godina

M
mjesec

M
tjedan

sutra

danas

jučer

F
srijeda

M
utorak

M
ponedjeljak

F
subota

M
petak

M
četvrtak

M
muškarac

F
žena

F
nedjelja

F
djevojka

M
dečko

F
ljubav

M
seks

M
poljubac

M
prijatelj

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

M
dječak

F
djevojka

N
dijete

F
majka

M
tata

F
mama

M
sin

M
roditelji

M
otac

M
mlađi brat

F
mlađa sestra

F
kći

M
muž

M
stariji brat

F
starija sestra

uvijek

svaki

F
žena

već

ponovno

zapravo

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

više

najviše

manje

vani

vrlo

nijedno

blizu

daleko

unutra

pored

iznad

ispod

svi

straga

sprijeda

^N
proljeće

drugo

zajedno

^F
zima

^F
jesen

^N
ljet

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

^M
ožujak

^F
veljača

^M
siječanj

^M
lipanj

^M
svibanj

^M
travanj

^M
rujan

^M
kolovoz

^M
srpanj

^M
prosinac

^M
studenj

^M
listopad

jug

istok

sjever

odmah

često

zapad

iako

odjednom

Số

0	1	2
3	4	5
6	7	8
9	10	11
12	13	14
15	16	17
18	19	20

dva

jedan

nula

pet

četiri

tri

osam

sedam

šest

jedanaest

deset

devet

četrnaest

trinaest

dvanaest

sedamnaest

šesnaest

petnaest

dvadeset

devetnaest

osamnaest

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

dvadeset šest

dvadeset dva

dvadeset jedan

trideset tri

trideset jedan

trideset

četrdeset jedan

četrdeset

trideset sedam

pedeset

četrdeset osam

četrdeset četiri

pedeset devet

pedeset pet

pedeset jedan

šezdeset dva

šezdeset jedan

šezdeset

sedamdeset jedan

sedamdeset

šezdeset šest

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

100

101

105

110

151

200

202

206

220

262

300

osamdeset

sedamdeset sedam

sedamdeset tri

osamdeset osam

osamdeset četri

osamdeset jedan

devedeset pet

devedeset jedan

devedeset

sto jedan

sto

devedeset devet

sto pedeset jedan

sto deset

sto pet

dvjesto šest

dvjesto dva

dvjesto

tristo

dvjesto šezdeset dva

dvjesto dvadeset

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

600

601

606

616

660

700

702

tristo trideset

tristo sedam

tristo tri

četristo četiri

četristo

tristo sedamdeset tri

četristo osamdeset četiri

četristo četrdeset

četristo osam

petsto devet

petsto pet

petsto

šesto

petsto devedeset pet

petsto pedeset

šesto šesnaest

šesto šest

šesto jedan

sedamsto dva

sedamsto

šesto šezdeset

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

1000

1001

1012

1234

2000

2002

2023

2345

sedamsto sedamdeset

sedamsto dvadeset sedam

sedamsto sedam

osamsto osam

osamsto tri

osamsto

devetsto

osamsto osamdeset

osamsto trideset osam

devetsto četrdeset devet

devetsto devet

devetsto četiri

tisuću jedan

tisuću

devetsto devedeset

dvije tisuće

tisuću dvjesto trideset četiri

tisuću dvanaest

dvije tisuće tristo četrdeset
pet

dvije tisuće dvadeset tri

dvije tisuće dva

3000

3003

4000

4045

5000

5678

6000

7000

7890

8000

8901

9000

9090

10.000

10.001

20.020

30.300

44.000

100.000

500.000

1.000.000

četiri tisuće

tri tisuće tri

tri tisuće

pet tisuća šesto sedamdeset
osam

pet tisuća

četiri tisuće četrdeset pet

sedam tisuća osamsto
devedeset

sedam tisuća

šest tisuća

devet tisuća

osam tisuća devetsto jedan

osam tisuća

deset tisuća jedan

deset tisuća

devet tisuća devedeset

četrdeset četiri tisuće

trideset tisuća tristo

dvadeset tisuća dvadeset

milijun

petsto tisuća

sto tisuća

6.000.000

10.000.000

70.000.000

100.000.000

800.000.000

1.000.000.000

9.000.000.000

10.000.000.000

20.000.000.000

100.000.000.000

300.000.000.000

1.000.000.000.000

sedamdeset milijuna

deset milijuna

šest milijuna

milijarda

osamsto milijuna

sto milijuna

dvadeset milijardi

deset milijardi

devet milijardi

bilijun

tristo milijardi

sto milijardi

Động từ

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

doći

misлити

znati

pronaći

uzeti

staviti

govoriti

raditi

slušati

pomoći

svidati

dati

čekati

zvati

voljeti

zatvoriti

sjesti

stajati

pobijediti

izgubiti

otvoriti

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

uključiti

živjeti

umrijeti

ozlijediti

ubiti

isključiti

piti

gledati

dirati

upoznati

hodati

jesti

pratiti

poljubiti

kladiti se

pitati

odgovoriti

vjenčati se

pritisnuti

gurati

povući

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

boriti se

uhvatiti

pogoditi

čitati

trčati

baciti

brojati

popraviti

pisati

kupiti

prodati

rezati

sanjati

učiti

platiti

slaviti

igrati

spavati

pucati

čistiti

uživati

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủ

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

ukrasti

napasti

braniti

letjeti

spasiti

gorjeti

gristi

udariti nogom

pljuvati

plakati

mirisati

disati

smijati se

smiješiti se

pjevati

svađati se

smanjiti

rasti

kriti

hraniti

dijeliti

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

skakati

plivati

upozoriti

dostaviti

kopati

dizati

putovati

vježbati

tražiti

zaključati

otvoriti

slikati

kuhati

moliti se

prati

citirati

vikati

povraćati

zaraditi

izračunati

ispisati

Tính từ

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

malo

mali, mala, malo, mali, -, -

star

star, stara, staro, stari, stariji,
najstariji

nov

nov, nova, novo, novi, noviji,
najnoviji

točan

točan, točna, točno, točni, točniji,
najtočniji

pogrešan

pogrešan, pogrešna, pogrešno,
pogrešni, pogrešniji, najpogrešniji

mnogo

mnogo, mnoga, mnogo, mnogi, -, -

sretan

sretan, sretna, sretno, sretni, sretniji,
najsretniji

dobar

dobar, dobra, dobro, dobri, bolji,
najbolji

loš

loš, loša, loše, loši, lošiji, najlošiji

malen

malen, malena, maleno, maleni,
manji, najmanji

dug

dug, duga, dugo, dugi, duži, najduži

kratak

kratak, kratka, kratko, kratki, kraći,
najkraći

mlad

mlad, mlada, mlado, mladi, mlađi,
najmlađi

lijep

lijep, lijepa, lijepo, lijepi, ljepši,
najljepši

velik

velik, velika, veliko, veliki, veći,
najveći

crn

crn, crna, crno, crni, crniji, najcrniji

bijel

bijel, bijela, bijelo, bijeli, bjelji,
najbjelji

star

star, stara, staro, stari, stariji,
najstariji

zelen

zelen, zelena, zeleno, zeleni, zeleniji,
najzeleniji

plav

plav, plava, plavo, plavi, plavlji,
najplavlji

crven

crven, crvena, crveno, crveni,
crveniji, najcrveniji

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

brz

brz, brza, brzo, brzi, brži, najbrži

spor

spor, spora, sporo, spori, sporiji, najsporiji

žut

žut, žuta, žuto, žuti, žuci, najžuci

pravedan

pravedan, pravedna, pravedno, pravedni, pravedniji, najpravedniji

nepravedan

nepravedan, nepravedna, nepravedno, nepravedni, nepravedniji, najnepravedniji

smiješan

smiješan, smiješna, smiješno, smiješni, smješniji, najsmješniji

bogat

bogat, bogata, bogato, bogati, bogatiji, najbogatiji

lak

lak, laka, lako, laki, lakši, najlakši

težak

težak, teška, teško, teški, teži, najteži

slab

slab, slaba, slabo, slabi, slabiji, najslabiji

jak

jak, jaka, jako, jaki, jači, najjači

siromašan

siromašan, siromašna, siromašno, siromašni, siromašniji, najsiromašniji

ponosan

ponosan, ponosna, ponosno, ponosni, ponosniji, najponosniji

umoran

umoran, umorna, umorno, umorni, umorniji, najumorniji

siguran

siguran, sigurna, sigurno, sigurni, sigurniji, najsigurniji

zdrav

zdrav, zdrava, zdravo, zdravi, zdraviji, najzdraviji

bolestan

bolestan, bolesna, bolesno, bolesni, bolesniji, najbolesniji

sit

sit, sita, sito, siti, sitiji, najsitiji

visok

visok, visoka, visoko, visoki, viši, najviši

nizak

nizak, niska, nisko, niski, niži, najniži

ljut

ljut, ljuta, ljuto, ljuti, ljući, najljući

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

mekan

mekan, mekana, mekano, mekani,
mekaniji, najmekaniji

kiseo

kiseo, kisela, kiselo, kisel, kiselji,
najkiseliji

sladak

sladak, slatka, slatko, slatki, slađi,
najslađi

glup

glup, glupa, glupo, glupi, glupji,
najglupji

sladak

sladak, slatka, slatko, slatki, slađi,
najslađi

tvrd

tvrd, tvrda, tvrdo, tvrdi, tvrdi,
najtvrdi

visok

visok, visoka, visoko, visoki, viši,
najviši

zauzet

zauzet, zauzeta, zauzeto, zauzeti,
zauzetiji, najzauzetiji

lud

lud, luda, ludo, ludi, luđi, najluđi

iznenađen

iznenađen, iznenađena, iznenađeno,
iznenađeni, iznenađeniji,
najiznenađeniji

zabrinut

zabrinut, zabrinuta, zabrinuto,
zabrinuti, zabrinutiji, najzabrinutiji

nizak

nizak, niska, nisko, niski, niži, najniži

pаметan

pаметan, pametna, pametno,
pametni, pametniji, najpametniji

zao

zao, zla, zlo, zli, gori, najgori

dobro odgojen

dobro odgojen, dobro odgojena,
dobro odgojeno, dobro odgojeni,
bolje odgojeni, najbolje odgojeni

narančast

narančast, narančasta, narančasto,
narančasti, narančastiji,
najnarančastiji

vruć

vruć, vruća, vruće, vrući, vrući,
najvrući

hladan

hladan, hladna, hladno, hladni,
hladniji, najhladniji

ružičast

ružičast, ružičasta, ružičasto,
ružičasti, ružičastiji, najružičastiji

smeđ

smeđ, smeđa, smeđe, smeđi,
smeđiji, najsmеđiji

siv

siv, siva, sivo, sivi, sivlji, najsvijlji

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

lagan

lagan, lagana, lagano, lagani,
laganiji, najlaganiji

težak

težak, teška, teško, teški, teži,
najteži

dosadan

dosadan, dosadna, dosadno,
dosadni, dosadniji, najdosadniji

žedan

žedan, žedna, žedno, žedni, žedniji,
najžedniji

gladan

gladan, gladna, gladno, gladni,
gladniji, najgladniji

usamljen

usamljen, usamljena, usamljeno,
usamljeni, usamljeniji, najusamljeniji

ravan

ravan, ravna, ravno, ravni, ravniji,
najravniji

strm

strm, strma, strmo, strmi, strmiji,
najstrmiji

tužan

tužan, tužna, tužno, tužni, tužniji,
najtužniji

dubok

dubok, duboka, duboko, duboki,
dublji, najdublji

širok

širok, široka, široko, široki, širi, najširi

uzak

uzak, uska, usko, uski, uži, najuži

prljav

prljav, prljava, prljavo, prljavi,
prljaviji, najprljaviji

ogroman

ogroman, ogromna, ogromno,
ogromni, ogromniji, najogromniji

plitak

plitak, plitka, plitko, plitki, plići,
najplići

prazan

prazan, prazna, prazno, prazni,
prazniji, najprazniji

pun

pun, puna, puno, puni, puniji,
najpuniji

čist

čist, čista, čisto, čisti, čišći, najčišći

seksi

seksi, seksi, seksi, seksi, više seksi,
najviše seksi

jeftin

jeftin, jeftina, jeftino, jeftini, jeftiniji,
najjeftiniji

skup

skup, skupa, skupo, skupi, skuplji,
najskuplji

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

velikodušan

velikodušan, velikodušna,
velikodušno, velikodušni,
velikodušniji, najvelikodušniji

hrabar

hrabar, hrabra, hrabro, hrabri,
hrabriji, najhrabriji

lijen

lijen, lijena, lijeno, lijeni, ljeniji,
najljeniji

glasan

glasan, glasna, glasno, glasni,
glasniji, najglasniji

suh

suh, suha, suho, suhi, suši, najsuši

mokar

mokar, mokra, mokro, mokri, mokriji,
najmokriji

kišovit

kišovit, kišovita, kišovito, kišoviti,
kišovitiji, najkišovitiji

sunčan

sunčan, sunčana, sunčano, sunčani,
sunčaniji, najsunčaniji

miran

miran, mirna, mirno, mirni, mirniji,
najmirniji

oblačan

oblačan, oblačna, oblačno, oblačni,
oblačniji, najoblačniji

maglovit

maglovit, maglovita, maglovito,
magloviti, maglovitiji, najmaglovitiji

Thể thao

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

N
trčanje

M
tenis

F
gimnastika

M
nogomet

M
golf

M
biciklizam

N
ronjenje

N
plivanje

F
košarka

M
triatlon

M
maraton

N
planinarenje

M
boks

N
dizanje utega

M
stolni tenis

M
snowboard

N
umjetničko klizanje

M
badminton

M
hokej na ledu

N
skijaško trčanje

N
skijanje

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

F
odbojka na pijesku

M
rukomet

F
odbojka

M
bejzbol

M
kriket

M
ragbi

M
skokovi u vodu

M
vaterpolo

M
američki nogomet

N
veslanje

N
jedrenje

N
surfanje

N
padobranstvo

N
plesanje

F
joga

N
kuglanje

M
poker

M
šah

M
balet

Động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

M
konj

F
krava

F
svinja

M
majmun

F
ovca

M
pas

F
kokoš

M
medvjed

F
mačka

F
pčela

M
leptir

F
patka

F
zmija

M
pauk

F
riba

M
zec

M
miš

M
tigar

M
slon

M
magarac

M
lav

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

M
komarac

F
buba

M
golub

M
kit

M
mrav

F
muha

M
puž

M
dupin

M
morski pas

M
polarni medvjed

F
panda

F
žaba

M
klokan

F
koala

M
vuk

M
nilski konj

F
lisica

F
žirafa

M
labud

M
gavran

M
šišmiš

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

M
pingvin

F
sova

M
galeb

M
vilin konjic

F
gusjenica

F
papiga

M
morski konjic

F
hobotnica

F
lignja

M
rak

F
meduza

M
tuljan

M
krokodil

F
kornjača

M
dinosaur

Quốc gia

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

F
Amerika

F
Azija

F
Europa

F
Španjolska

N
Ujedinjeno Kraljevstvo

F
Afrika

F
Francuska

F
Italija

F
Švicarska

M
Singapur

M
Tajland

F
Njemačka

M
Izrael

M
Japan

F
Rusija

F
Sjedinjene Američke Države

F
Kina

F
Indija

M
Čile

F
Kanada

M
Meksiko

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

F
Južnoafrička Republika

F
Argentina

M
Brazil

F
Libija

M
Maroko

F
Nigerija

M
Egipat

M
Alžir

F
Kenija

F
Australija

M
Novi Zeland

Cơ thể

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

F
kosa

M
nos

F
glava

N
oko

N
uho

F
usta

N
srce

N
stopalo

F
ruka

F
stražnjica

M
vrat

M
mozak

F
noga

N
koljeno

N
rame

F
dojka

M
trbuh

F
ruka

M
jezik

M
zub

F
leđa

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

M
nožni prst

M
prst

F
usna

F
jetra

F
pluća

M
želudac

N
crijeva

M
bubreg

M
živac

M
obraz

F
brada

N
čelo

M
mali prst

M
palac

F
brada

M
kažiprst

M
srednji prst

M
prstenjak

F
kralježnica

F
peta

M
nokat

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

M
kostur

F
kost

M
mišić

M
mjehur

M
kralježak

N
rebro

F
vagina

F
arterija

F
vena

M
testis

M
penis

F
sperma

Ngôi nhà

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

F
kupaonica

F
kuhinja

F
vrata

M
vrt

F
spavaća soba

M
dnevni boravak

M
podrum

M
zid

F
garaža

M
krov

F
stube

M
zahod

F
šalica

M
nož

M
prozor

F
šalica

M
tanjur

F
čaša

M
radni stol

F
zdjela

F
kanta za smeće

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xếp

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

M
tuš

N
ogledalo

M
krevet

M
sat

F
slika

M
kauč

M
susjed

F
stolica

M
stol

N
potkrovlje

M
balkon

N
dizalo

M
štapic za jelo

F
kuhača

M
dimnjak

F
vilica

F
žlica

M
pribor za jelo

F
tava

M
lonac

F
kutlača

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

F
zavjesa

F
polica za knjige

F
žarulja

F
deka

M
jastuk

M
madrac

M
garderobni ormar

F
ladica

F
polica

F
vaga

F
metla

F
kanta

M
ručnik za kupanje

F
kada

F
košara za rublje

M
ručnik

M
toaletni papir

M
sapun

M
poštanski sandučić

F
ljestve

M
umivaonik

hàng rào



Thức ăn

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

N
mlijeko

M
sir

N
jaje

F
kost

N
meso

F
riba

M
šećer

M
kruh

N
ulje

F
torta

M
slatkiš

F
čokolada

M
čaj

F
kava

F
voda

F
salata

N
vino

N
pivo

M
doručak

M
desert

F
juha

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

F
pizza

F
večera

M
ručak

M
jogurt

M
maslac

M
sladoled

F
šunka

M
losos

F
tuna

F
puretina

F
kobasica

F
slanina

F
svinjetina

F
govedina

F
piletina

F
gljiva

F
bundeва

F
janjetina

M
poriluk

M
češnjak

M
tartuf

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

M
slatki krumpir

M
patlidžan

M
đumbir

M
čili

M
krastavac

F
mrkva

M
krumpir

M
luk

F
paprika

F
brokula

M
kupus

F
cvjetača

M
bambus

M
špinat

F
zelena salata

M
grašak

M
celer

M
kukuruz

F
jabuka

F
kruška

M
grah

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dứa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

F
datulja

F
smokva

F
maslina

M
lješnjak

M
badem

M
kokosov orah

M
mango

F
banana

M
kikiriki

M
ananas

M
avokado

M
kivi

F
dinja

N
grožđe

F
lubenica

F
jagoda

F
borovnica

F
malina

F
marelica

F
šljiva

F
trešnja

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

M
grejp

M
limun

F
breskva

F
menta

F
rajčica

F
naranča

F
vanilija

M
cimet

F
limunska trava

M
kari

M
papar

F
sol

M
ocat

M
tofu

M
duhan

N
brašno

N
sojino mlijeko

M
rezanac

F
pšenica

F
zob

F
riža

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

M
med

M
orah

F
soja

F
palačinka

F
žvakača guma

M
džem

M
muffin

M
puding

M
kolačić

M
sok od naranče

N
energetsko piće

F
krafna

F
kola

M
milkshake

M
sok od jabuke

M
rum

M
koktel

F
vruća čokolada

M
jelovnik

F
votka

M
viski

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

M
sushi

M
špageti

M
plodovi mora

F
pileća krilca

M
čips

F
kokice

F
majoneza

M
senf

M
pomfrit

M
hot dog

M
sendvič

M
kečap

M
burger

Trường học

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

nghiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

^F
domaća zadaća

^F
knjižnica

^F
knjiga

^F
znanost

^F
lekcija

^M
ispit

^F
olovka

^F
umjetnost

^F
povijest

drugi

prvi

^F
olovka

^N
istraživanje

četvrti

treći

^M
rječnik

^M
sportski teren

^F
diploma

^F
geometrija

^F
bilježnica

^M
semestar

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

3%

100%

0%

mét khối

F
ekonomija

F
filozofija

F
politika

F
matematika

F
biologija

M
tjelesni odgoj

F
kemija

F
književnost

M
zemljopis

F
gumica

N
ravvalo

F
fizika

N
ljepilo

F
ljepljiva traka

F
škare

tri posto

F
spajalica

F
kemijska olovka

M
kubni metar

nula posto

sto posto

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

M
metar

F
milja

M
kvadratni metar

M
decimetar

M
centimetar

M
milimetar

N
množenje

N
oduzimanje

N
zbrajanje

M
volumen

F
površina

N
dijeljenje

M
trokut

M
kvadrat

M
pravokutnik

F
mililitra

F
litra

M
krug

M
gram

M
kilogram

F
tona

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

M
lijevak

M
mikroskop

M
magnet

N
predavanje

M
laboratorij

Thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

M
dijamant

F
vatra

M
pepeo

F
zvijezda

N
sunce

M
mjesec

N
jezero

F
obala

M
planet

N
brdo

F
pustinja

F
šuma

F
dolina

F
rijeka

F
stijena

M
ocean

M
otok

F
planina

M
snijeg

M
led

N
more

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

M
vjetar

F
kiša

F
oluja

F
ruža

F
trava

N
stablo

N
tlo

M
metal

M
cvijet

M
pijesak

M
ugljen

F
lava

M
satelit

F
raketa

F
glina

M
kontinent

M
asteroid

F
galaksija

M
Sjeverni pol

M
Južni pol

M
ekvator

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

F
špilja

F
prašuma

M
potok

M
ledenjak

F
obala

M
vodopad

M
vulkan

M
krater

M
potres

F
magla

F
poplava

F
atmosfera

F
munja

F
grmljavina

F
duga

M
tajfun

F
temperatura

F
grmljavinska oluja

F
grana

M
oblak

M
uragan

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

N
deblo

M
korijen

M
list

M
ugljični dioksid

F
plastika

N
sjeme

M
kisik

N
željezo

M
atom

N
srebro

N
zlato

Giao thông

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

M
vlak

M
autobus

M
automobil

M
avion

F
autobusna postaja

F
željeznička stanica

M
bicikl

M
kamion

M
brod

M
semafor

M
taksi

M
motocikl

M
akumulator

F
cesta

N
parkiralište

M
volan

M
zračni jastuk

M
motor

M
stražnji prtljažnik

F
guma

M
sigurnosni pojas

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

F
podzemna željeznica

M
ured za prodaju karata

M
automat za prodaju karata

M
tramvaj

F
lokomotiva

M
brzi vlak

F
zračna luka

M
minibus

M
školski autobus

F
prva klasa

M
helikopter

M
avioprijevoznik

M
prsluk za spašavanje

F
poslovna klasa

F
ekonomska klasa

M
kruzer

F
podmornica

M
kontejner

M
trajekt

F
jahta

M
kontejnerski brod

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

M
radar

M
čamac za spašavanje

F
luka

F
benzinska postaja

M
pločnik

F
ulična rasvjeta

F
prometna gužva

M
pješački prijelaz

N
gradilište

M
bager

M
tenk

F
autocesta

M
motorni skuter

F
prikolica

M
traktor

F
žičara

Thành phố

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

F
kuća

F
škola

F
bolnica

M
supermarket

F
tržnica

M
račun

F
farma

N
sveučilište

M
stan

M
bar

M
restoran

F
crkva

M
zahod

M
park

F
teretana

F
policija

F
hitna pomoć

F
karta

N
predgrađe

F
zemlja

M
vatrogasci

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

M
trgovački centar

F
garancija

N
selo

M
dvorac

M
neboder

F
ljekarna

M
hram

F
sinagoga

N
veleposlanstvo

F
gradska vijećnica

F
džamija

F
tvornica

M
noćni klub

F
fontana

M
poštanski ured

M
nogometni stadion

M
golf teren

F
klupa

F
turističke informacije

M
teniski teren

M
bazen za plivanje

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

M
muzej

F
umjetnička galerija

M
kasino

M
akvarij

M
suvenir

M
nacionalni park

M
vodeni park

M
vlak smrti

M
vodeni tobogan

M
izlaz u nuždi

N
igralište

M
zoološki vrt

F
policajska postaja

M
vatrogasni aparat

M
protupožarni alarm

M
glavni grad

F
regija

F
savezna država

Bệnh viện

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

F
operacija

M
pacijent

F
nesreća

M
kašalj

F
groznica

F
tableta

F
čekaonica

F
jedinica intenzivne njege

M
odjel za hitne slučajeve

M
datum isteka

F
tableta za spavanje

M
aspirin

F
nuspojava

M
sirup protiv kašlja

N
doziranje

F
kapsula

M
prah

M
inzulin

M
antibiotici

M
analgetik

M
vitamin

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chuyết rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

M
srčani udar

M
virus

F
bakterija

M
moždani udar

M
dijabetes

M
proljev

F
gripa

M
rak

F
astma

F
grlobolja

F
opeklina od sunca

F
zubobolja

F
alergija

F
infekcija

F
bol u trbuhu

F
šprica

F
glavobolja

M
grč

M
ultrazvučni uređaj

F
rendgenska snimka

F
štaka

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

M
gips

F
invalidska kolica

M
flaster

M
hitan slučaj

F
ozljeda

M
puls

F
fraktura

F
opekline

M
potres mozga

M
test za trudnoću

F
kontracepcijska pilula

Nghề nghiệp

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

M
policajac

F
medicinska sestra

M
doktor

M
detektiv

M
kapetan

M
predsjednik

M
učitelj

M
profesor

M
pilot

M
asistent

F
tajnica

M
odvjetnik

M
kuhar

M
upravitelj

M
sudac

M
model

M
vozač autobusa

M
vozač taksija

M
farmaceut

M
premijer

M
umjetnik

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

M
poduzetnik

M
zubar

M
vatrogasac

F
stjuardesa

M
programer

M
političar

M
arhitekt

F
teta u vrtiću

M
znanstvenik

M
tužitelj

M
savjetnik

M
računovođa

M
stanodavac

M
tjelohranitelj

M
generalni upravitelj

M
vojniki

M
zaštitar

M
konobar

M
vodoinstalater

M
čistač

M
ribar

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

M
recepционер

M
poljoprivrednik

M
električar

M
frizer

M
blagajnik

M
poštar

M
fotograf

M
novinar

M
autor

M
glazbenik

M
pjevač

M
spasilac

M
trener

M
reporter

M
glumac

M
sudac

Kinh doanh

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

M
stres

M
ured

M
novac

M
odjel

N
osoblje

N
osiguranje

N
pismo

F
adresa

F
plaća

F
adresa e-pošte

M
URL

M
telefonski broj

M
potpis

F
e-pošta

F
web stranica

M
kupac

M
profit

M
gubitak

F
lozinka

F
kreditna kartica

M
iznos

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

F
soba za sastanke

M
porez

M
bankomat

M
ljudski resursi

M
IT

F
posjetnica

M
marketing

N
računovodstvo

M
pravni odjel

M
poslodavac

M
kolega

F
prodaja

F
prezentacija

F
bilješka

M
zaposlenik

M
projektor

M
gumeni žig

F
fascikla

F
omotnica

F
marka

F
pošiljka

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

F
burza

F
investicija

M
preglednik

F
kamata

F
kovanica

F
novčanica

M
bankovni račun

M
broj računa

M
zajam

Thiết bị

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

M
fotoaparat

M
televizor

M
telefon

M
klima uređaj

M
ventilator

M
radio

M
usisavač

M
toster

M
aparat za kavu

F
perilica posuđa

M
čajnik

N
sušilo za kosu

F
mikrovalna pećnica

F
pećnica

N
kuhalo

M
daljinski upravljač

F
perilica za rublje

M
hladnjak

F
tipkovnica

M
miš

F
slušalica

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

M
skener

M
USB stick

M
tvrdí disk

M
laptop

M
zaslon

M
pisač

M
zvučnik

M
robot